



chū shēng niú dú

初生牛犊

noun/idiom · newborn calf; fearless youth

Example Sentence

chū shēng niú dú bú pà hǔ tā jué dìng qù mào xiǎn
初生牛犊不怕虎，他决定去冒险。

A newborn calf is not afraid of tigers; he
decided to take the risk.

Trace each character, then write the word on your own.

初	初	初	初	初	初	初	初	初	初
生	生	生	生	生	生	生	生		
牛	牛	牛	牛	牛	牛	牛			
犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊	犊
犊	犊	犊	犊						